

Căn cứ Nghị định số 175/1999/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ;

Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi Mục II Thông tư liên tịch số 03/2000/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 26 tháng 1 năm 2000 của liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện điều chỉnh mức trợ cấp, phụ cấp hàng tháng đối với người hoạt động cách mạng, gia đình liệt sỹ, thương binh, bệnh binh, người cở công giúp đỡ cách mạng như sau:

"II. Trợ cấp chôn cất:

Các đối tượng được hưởng trợ cấp tiền chôn cất (mai táng phí) quy định tại Nghị định số 28/CP ngày 29 tháng 4 năm 1995 của Chính phủ, từ ngày 01 tháng 1 năm 2000 được hưởng trợ cấp mai táng phí mức 1.440.000 đồng".

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh về liên Bộ để xem xét xử lý./.

KT. Bộ trưởng
Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
Thư trưởng

NGUYỄN ĐÌNH LIÊU

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thư trưởng

NGUYỄN THỊ KIM NGÂN

BỘ CÔNG NGHIỆP

THÔNG TƯ số 02/2000/TT-BCN ngày 31/3/2000 hướng dẫn việc xuất khẩu, nhập khẩu khoáng sản hàng hóa năm 2000.

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 20 tháng 3 năm 1996 và Nghị định số 68/CP ngày 01 tháng 11 năm 1996 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Khoáng sản;

Thi hành Quyết định số 242/1999/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về điều hành xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2000;

Sau khi trao đổi ý kiến với Bộ Thương mại;

Bộ Công nghiệp hướng dẫn việc xuất khẩu, nhập khẩu khoáng sản hàng hóa năm 2000 như sau:

I. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Khoáng sản hàng hóa nói trong Thông tư này gồm các loại khoáng sản do các tổ chức, cá nhân khai thác, chế biến hợp pháp theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các loại khoáng sản hàng hóa được mua bán bình thường trên thị trường quốc tế (trừ dầu khí).

Dưới đây khoáng sản hàng hóa được gọi là khoáng sản.

II. NHẬP KHẨU KHOÁNG SẢN

Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế được thành lập theo quy định của pháp luật và có chứng nhận đăng ký kinh doanh phù hợp, nếu trong hoạt động sản xuất kinh doanh có nhu cầu nhập

khẩu khoáng sản đều được phép nhập khẩu hoặc ủy thác nhập khẩu khoáng sản theo nhu cầu sử dụng. Doanh nghiệp thực hiện việc nhập khẩu khoáng sản là doanh nghiệp được phép kinh doanh nhập khẩu theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 57/1998/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại.

Riêng đối với các loại quặng, tinh quặng chứa nguyên tố phóng xạ, việc nhập khẩu phải tuân thủ quy định của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường về quản lý nhà nước đối với hàng hóa, dịch vụ đặc biệt hạn chế kinh doanh theo quy định tại khoản 1 Điều 3 và Danh mục 2 của Nghị định của Chính phủ số 11/1999/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 1999 về hàng hóa cấm lưu thông, dịch vụ thương mại cấm thực hiện; hàng hóa, dịch vụ thương mại hạn chế kinh doanh, kinh doanh có điều kiện.

III. XUẤT KHẨU KHOÁNG SẢN

1. Khoáng sản được phép xuất khẩu là khoáng sản đáp ứng các điều kiện sau:

- Đạt tiêu chuẩn chất lượng, quy cách sản phẩm quy định ở Phụ lục Thông tư này (sau đây gọi tắt là Phụ lục);

- Được khai thác hợp pháp (theo Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản được cấp theo quy định của pháp luật về khoáng sản);

- Không bị cấm xuất khẩu bởi quy định riêng biệt của Thủ tướng Chính phủ (nếu có);

- Thị trường trong nước không có nhu cầu hoặc tiêu thụ không hết khối lượng khoáng sản khai thác được.

2. Doanh nghiệp được phép xuất khẩu khoáng sản là:

a) Tổ chức, cá nhân có Giấy phép khai thác khoáng sản, Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (sau đây gọi tắt là Chủ Giấy phép); hoặc:

b) Doanh nghiệp kinh doanh thương mại có chức năng kinh doanh khoáng sản ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

và đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 8 Nghị định số 57/1998/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại.

3. Việc xuất khẩu khoáng sản của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thực hiện theo quy định trong Giấy phép đầu tư.

4. Chủ Giấy phép được quyền ủy thác xuất khẩu khoáng sản qua các doanh nghiệp được phép xuất khẩu khoáng sản nói ở điểm 2.

5. Chủ Giấy phép được phép tiêu thụ khoáng sản dưới các hình thức: xuất khẩu, ủy thác xuất khẩu, bán cho doanh nghiệp trong nước có nhu cầu sử dụng hoặc doanh nghiệp kinh doanh thương mại (nói ở điểm 2 khoản b), với tổng khối lượng tiêu thụ trong năm không vượt quá công suất khai thác ấn định trong Giấy phép khai thác và khả năng khai thác, chế biến thực tế. Chủ Giấy phép có trách nhiệm ưu tiên đáp ứng nhu cầu sử dụng trong nước.

6. Để làm thủ tục xuất khẩu khoáng sản, ngoài các văn bản theo quy định của hải quan, doanh nghiệp xuất khẩu khoáng sản phải xuất trình thêm với hải quan cửa khẩu:

- Bản sao hợp lệ Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Bản sao hợp lệ Đăng ký chất lượng hàng hóa (phù hợp chất lượng quy định tại Phụ lục) tại cơ quan có thẩm quyền về quản lý chất lượng (đối với các loại khoáng sản có quy định tiêu chuẩn chất lượng).

- Hợp đồng mua bán khoáng sản hoặc Hợp đồng ủy thác xuất khẩu khoáng sản ký với Chủ Giấy

phép (đôi với trường hợp doanh nghiệp xuất khẩu không phải là Chủ Giấy phép).

Hợp đồng nói trên cùng với Giấy phép khai thác là cơ sở để cơ quan hải quan quản lý được lượng hàng xuất khẩu có cùng xuất xứ không vượt quá công suất khai thác nêu ở điểm 5.

7. Việc xuất khẩu than mỏ thực hiện theo quy định riêng.

2. Mọi trường hợp xuất khẩu khoáng sản không do khai thác hợp pháp, xuất khẩu với khối lượng vượt quá công suất khai thác ghi trong Giấy phép khai thác (hoặc Giấy phép khai thác tận thu) mà không có sự thỏa thuận của cơ quan cấp giấy phép đều bị coi là vi phạm Thông tư này và bị xử lý theo pháp luật./.

IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 4 năm 2000.

KT. Bộ trưởng Bộ Công nghiệp
Thủ trưởng

LÊ HUY CÔN

Phụ lục

QUY CÁCH, TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG KHOÁNG SẢN XUẤT KHẨU

(kèm theo Thông tư số 02/2000/TT-BCN ngày 31/3/2000)

Số thứ tự	Loại sản phẩm khai thác, chế biến	Quy cách, dạng sản phẩm	Hàm lượng	Ghi chú
1	Sản phẩm từ quặng thiếc	Thỏi kim loại	min 99,75% Sn	
2	Cromit	Tinh quặng	min 43% Cr ₂ O ₃	
3	Sản phẩm từ quặng titan			
	- Ilmenit	-nt-	min 52% TiO ₂	
	- Zircon	-nt-	min 57% ZrO ₂	
	- Rutil	-nt-	min 82% TiO ₂	
4	Sản phẩm từ quặng chì	Chì thô, thỏi kim loại	min 96% Pb	
		Tinh quặng sulfur chì	min 45% Pb	
5	Sản phẩm từ quặng đồng	Tinh quặng	min 18% Cu	
6	Quặng sắt	Quặng sơ tuyển, tinh quặng	min 54% Fe	
7	Sản phẩm Antimon	Thỏi kim loại	min 99% Sb	
8	Sản phẩm quặng kẽm	Quặng oxyt kẽm	min 25% Zn	
		Bột oxyt kẽm	min 60% Zn	
		Tinh quặng sulfur kẽm	min 50% Zn	
9	Sản phẩm quặng mangan	Quặng sơ tuyển	min 35% Mn	
10	Cát trắng thủy tinh	Cát đã tuyển rửa		Do Công ty Minexco Khánh Hòa khai thác
11	Wolframit	Tinh quặng	min 65% WO ₃	

0966 1395

Ghi chú: Trong Phụ lục này thuật ngữ "tình quặng" tương đương với thuật ngữ "quặng đã được làm giàu" trong "Biểu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu" ban hành kèm theo Quyết định số 67/1999/QĐ-BTC ngày 24/6/1999 của Bộ Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH số 14/2000/QĐ-BCN
ngày 03/4/2000 về việc chuyển giao
các trường mầm non (nhà trẻ, mẫu
giáo) thuộc các đơn vị thành viên
của Tổng công ty Than Việt Nam
tại Quảng Ninh về Ủy ban nhân
dân tỉnh Quảng Ninh quản lý.

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 74/CP ngày 01 tháng 11 năm 1995 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 50/CP ngày 28 tháng 8 năm 1996 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức lại, giải thể và phá sản doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ ý kiến của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 14/CP-ĐMDN ngày 02 tháng 2 năm 2000 và kết luận tại Hội nghị triển khai giữa các Bộ, ngành và địa phương liên quan (Thông báo số 04/TB-VP ngày 29 tháng 3 năm 2000 của Bộ Công nghiệp);

Theo đề nghị của Hội đồng quản trị Tổng công ty Than Việt Nam (Tờ trình số 387-CV/HĐQT ngày 17 tháng 11 năm 1999) và Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển giao nguyên trạng 24 trường mầm non (bao gồm 148 lớp nhà trẻ, mẫu giáo) thuộc 23 đơn vị thành viên của Tổng công ty Than Việt Nam tại Quảng Ninh về Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh quản lý (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Tổng Giám đốc Tổng công ty Than Việt Nam có trách nhiệm làm việc với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh để chỉ đạo việc chuyển giao trên theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2000. Các văn bản trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tổng công ty Than Việt Nam, Giám đốc 23 đơn vị thành viên của Tổng công ty Than Việt Nam, Giám đốc các trường mầm non chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Bộ trưởng Bộ Công nghiệp

ĐẶNG VŨ CHƯ

SỐ LƯỢNG NHÀ TRẺ, MẪU GIÁO

(ban hành kèm theo Quyết định số 14/2000/QĐ-BCN ngày 03/4/2000).

Số thứ tự	Đơn vị	Số lớp	
		Mẫu giáo	Nhà trẻ
1	Công ty than Uông Bí	2	2
2	Mỏ than Dương Huy	1	2
3	Mỏ than Cọc Sáu	10	3
4	Mỏ than Đèo Nai	1	2